TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HS-ST
Ngày: 07-12-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Tư
Ông Triệu Thanh Quan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An*** tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trăm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 76/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Trọng H**; tên gọi khác: không; Sinh ngày 25-12-1987; Nơi sinh: L; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: khu phố 2, thị trấn Đ1, huyện Đ, tỉnh L; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H1(sinh năm 1964) và bà Trần Thị Kim H2 (sinh năm 1964); Chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị L (sinh năm 1990) từ năm 2018 nhưng không đăng ký kết hôn; có 02 con (sinh năm 2009 và năm 2019); Tiền án: ngày 04-11-2019 bị Tòa án nhân dân huyện Đ1, tỉnh L xử phạt 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tại bản án số 128/2019/HS-ST ngày 04-11-2019, chưa hết thời gian thử thách của án treo; Tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07-8-2020 đến ngày 10-8-2020 bị tạm giam đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Thị L**; tên gọi khác: không; Sinh năm 1990; Nơi sinh: L; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Nghề nghiệp: không; Trình độ học

vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh L1 (sinh năm 1970) và bà Võ Thị L2 (sinh năm 1970); Chung sống như vợ chồng với Nguyễn Trọng H (sinh năm 1987) từ năm 2018 nhưng không đăng ký kết hôn; Con 02 người (sinh năm 2017 và sinh năm 2019); Tiền án: không; Tiền sự: không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10-8-2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Ông Bùi Văn X - Sinh năm 1962 - Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Đ1, huyện Đ, tỉnh L. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 06-8-2020, Nguyễn Trọng H chở Nguyễn Thị L bằng xe môtô hai bánh biển số 62S1-138.29 đến tiệm tạp hóa của ông Bùi Văn X tại khu phố 2, thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ để mua rượu. Khi ông X vào nhà lấy rượu bán, có để lại trên bàn đá trước cửa tiệm một cọc tiền. L nhìn thấy liền chỉ cho Hvà nói "tiền kìa anh". H đang ngồi trên xe môtô, nhìn thấy tiền L chỉ nên đã chồm người về phía trước lấy cọc tiền cất vào người rồi điều khiển xe môtô chạy đi mà không chờ lấy rượu. Trên đường H chở L đến nhà mẹ ruột của Htại xã Hòa Khánh Đông, huyện Đức Hòa, Hđưa cọc tiền cho L giữ. Vì nhà mẹ ruột Hđóng cửa nên cả hai đứng ngoài hàng rào lấy số tiền vừa trộm ra đếm được 18.600.000 đồng. Sau đó H chở L đến thị trấn Đức Hòa. H và L đã tiêu xài hết 5.845.000 đồng gồm: chuộc 01 điện thoại di động L đã cầm trước đó 1.050.000 đồng; chuộc 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy đăng ký xe mô tô hai bánh và 01 bằng lái xe mà Hđã cầm trước đó 1.030.000 đồng; thuê nhà nghỉ, ăn uống, mua sắm quần áo hết 3.765.000 đồng. Sau đó H và L quay về nhà mẹ ruột của H thì bị lực lượng chức năng mời làm việc và thu giữ số tiền 12.755.000 đồng, hai bị cáo H và L đã thừa nhận toàn bộ hành vi.

Tang vật thu giữ: 01 xe môtô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha màu cam, biển kiểm soát 62S1-138.29 cùng giấy đăng ký xe tên Nguyễn Trọng Hvà tiền Việt Nam 12.755.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 75/CT-VKSĐH ngày 16-10-2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An đã truy tố các bị cáo Nguyễn Trọng H và Nguyễn Thị L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Trọng H và Nguyễn Thị L khai nhận toàn bộ hành vi khoảng 17 giờ ngày 06-8-2020, lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của ông Bùi Văn X, hai bị cáo đã lén lút chiếm đoạt số tiền 18.600.000 đồng mà ông X để trên ghế đá trước nhà.

Số tiền chiếm đoạt được các bị cáo đã tiêu xài cho cá nhân hết 5.845.000 đồng. Ngày 07- 8-2020, bị cáo Hbị giữ người và số tiền còn lại là 12.755.000 đồng. Các bị cáo H, L không tranh luận với Kiểm sát viên nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Trong lời nói sau cùng các bị cáo nhận thức hành vi là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo L xin được hưởng án treo để có điều kiện nuôi con nhỏ.

Bị hại Bùi Văn X khai đã nhận lại 12.755.000 đồng. Ông X yêu cầu các bị cáo H, L trả lại cho ông X số tiền 5.845.000 đồng, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Trọng H và Nguyễn Thị L theo Cáo trạng số 75/CT-VKSĐH ngày 16/10/2020 về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Sau khi phân tích tính chất của hành vi và hậu quả xảy ra, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trọng H và Nguyễn Thị L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt, đề nghị:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 32 và Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng H từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 128/2019/HS-ST ngày 04-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ1 để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của 02 bản án.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 65 Bộ luật Hình xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

- Về tang vật của vụ án: đề nghị trả cho bị cáo H01 xe môtô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha màu cam, biển kiểm soát 62S1-138.29 cùng giấy đăng ký xe tên Nguyễn Trọng Hữu.

- Về trách nhiệm dân sự: buộc các bị cáo H và L phải trả lại số tiền 5.845.000 đồng cho ông X.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Huệ, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, Kiểm sát viên: trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến

hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của các bị cáo:

[2.1]. Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Trọng H và Nguyễn Thị L khai nhận hành vi khoảng 17 giờ ngày 06-8-2020, khi đến mua rượu tại nhà ông Bùi Văn X tại khu phố 2, thị trấn Đ1, huyện Đ, tỉnh L, lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của ông X, hai bị cáo H và L đã lén lút chiếm đoạt số tiền ông X để trên bàn đá trước nhà là 18.600.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt được hai bị cáo đã tiêu xài cho cá nhân hết 5.845.000 đồng. Ngày 07-8-2020, H và L bị giữ người và số tiền còn lại là 12.755.000 đồng.

[2.2]. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với tang vật được thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

[2.3]. Trong quá trình thực hiện hành vi, các bị cáo H và L không có sự câu kết chặt chẻ với nhau, không phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bị cáo nên xác định là đồng phạm giản đơn, không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

[2.4]. Từ những chứng cứ trên, đủ cơ sở xác định các bị cáo Nguyễn Trọng H và Nguyễn Thị L phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Như vậy, cáo trạng 75/CT-VKSĐH ngày 16-10-2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ đã truy tố các bị cáo Nguyễn Trọng H và Nguyễn Thị L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3]. Về hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[3.1]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Cả hai bị cáo H và L là công dân có đầy đủ lý trí để nhận thức được tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ nếu người nào cố tình chiếm đoạt sẽ bị pháp luật xử lý nhưng các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích của các bị cáo để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của các bị cáo làm mất an ninh trật tự và gây tác động xấu đến tình hình trật tự tại địa phương nên cần được xử lý nghiêm.

[3.2]. Bị cáo H thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H bị Tòa án nhân dân huyện Đ1, tỉnh L xử phạt 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo bản án số 128/2019/HS-ST ngày 04-11-2019, chưa chấp hành xong thời gian thử thách của án treo mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới do lỗi cố ý là tái phạm (theo khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự) nên

áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3.3]. Bị cáo L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

[3.4]. Về hình phạt bổ sung: theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo không có tài sản nào khác. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[3.5]. Từ các nhận định tại mục [2] và các mục [3.1], [3.2], [3.3], [3.4] căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi, hậu quả do hành vi các bị cáo gây ra và nhân thân của từng bị cáo, xét thấy bị cáo H là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm nên cần cách ly bị cáo Hra khỏi xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng giáo dục các bị cáo thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho xã hội. Tại bản án số 128/2019/HS-ST ngày 04-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ1, tỉnh L đã xử phạt bị cáo H mức án 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Nay bị cáo tiếp tục phạm tội mới và bị xử phạt nên áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án. Bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người giúp sức, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này ra, bị cáo không thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nào khác và hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử xác định tội danh, áp dụng điều luật, đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về vật chứng và xử lý vật chứng:

[5.1]. Số tiền thu giữ trên người bị cáo Hlà 12.755.000 đồng đã trả cho chủ sở hữu Bùi Văn X xong là đúng quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 46 Bộ luật hình sự.

[5.2]. 01 xe môtô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha màu cam, biển kiểm soát 62S1-138.29 cùng giấy đăng ký xe tên Nguyễn Trọng H liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Sau khi chiếm đoạt được tài sản của ông X, các bị cáo dùng chính phương tiện xe môtô biển kiểm soát 62S1-138.29 đem tài sản đi tiêu xài nên tịch

thu nộp ngân sách nhà nước là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: buộc hai bị cáo H và L phải trả cho ông X 5.845.000 đồng là đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 579, Điều 580 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7]. Về án phí:

[7.1]. Án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo Nguyễn Trọng H và Nguyễn Thị L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

[7.2]. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Hvà bị cáo L phải chịu 292.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm (theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trọng H và bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 32, Điều 38 và Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù của bản án số 128/2019/HS-ST ngày 04-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ1, tỉnh L buộc bị cáo Nguyễn Trọng H phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 07 tháng 8 năm 2020). Tiếp tục tạm giam bị cáo H để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 01 (một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 07 tháng 12 năm 2020).

Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh L để theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án

treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hủy Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 30/L-CQĐT ngày 10/8/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Đức Huệ.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 46 Bộ luật hình sự: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 xe môtô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha màu cam, biển kiểm soát 62S1-138.29 cùng 01 giấy đăng ký xe môtô của bị cáo Nguyễn Trọng Hữu.

(Toàn bộ các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ đang quản lý theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19-10-2020 giữa Công an huyện Đức Huệ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

- Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 579 và Điều 580 Bộ luật Dân sự năm 2015: buộc các bị cáo Nguyễn Trọng H và Nguyễn Thị L phải liên đới trả cho ông Bùi Văn X 5.845.000 đồng (năm triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Cụ thể, bị cáo Nguyễn Trọng H và bị cáo Nguyễn Thị L mỗi bị cáo phải có trách nhiệm trả cho ông X 2.922.500 đồng (hai triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Trọng H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 146.125 đồng (một trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 146.125 đồng (một trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Huệ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đức Huệ;
- Hồ sơ THAHS;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Lưu hồ sơ, án văn.